TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 08-6-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Kim Đồng**

Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST - DS ngày 26/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp A, xã Lục S, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp cho chị M: Anh **Ngô Hoài T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 9/97 B, khu 5, thị trấn C, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn U,** sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã Lục S, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13-02-2023 và các lời khai khác trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Vào năm 2020, 2021 giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M và bị đơn Nguyễn Văn U có giao dịch hợp đồng vay tài sản với nhau, chị M có cho anh U vay số tiền qua các lần vay cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 13/3/2020 vay số tiền 45.000.000 đồng;

Lần 2: Vào ngày 23/10/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng;

Lần 3: Vào ngày 14/11/2020 vay số tiền 41.000.000 đồng;

Lần 4: Vào ngày 15/3/2021 vay số tiền 25.000.000 đồng;

Lần 5: Vào ngày 29/3/2021 vay số tiền 35.000.000 đồng;

Tổng cộng 05 lần vay là 166.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Đến ngày 29/7/2022 anh U có làm biên nhận còn nợ số tiền 166.000.000 đồng và không trả lãi đến nay.

Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh U có trách nhiệm trả cho chị số tiền còn nợ vốn 166.000.000 đồng và tính lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 29/7/2022 đến ngày 29/01/2023 là 06 tháng lãi bằng 14.940.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 180.940.000 đồng, lãi được tính tiếp từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp gồm: Biên nhận vay do anh U viết ngày 29/7/2022.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án có thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía anh U không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về việc kiện của chị M đồng thời vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền vay vốn 166.000.000 đồng và lãi tính từ 29/7/2022 đến ngày 08/6/2023 tính tròn là 10 tháng, với lãi suất 1,5%/tháng bằng 24.900.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 190.900.000 đồng. Ngoài ra không cung cấp tài liệu, chứng cứ bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. **Về tố tụng**:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện bị đơn Nguyễn Văn U yêu cầu trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng

vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa anh U vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

II. Về nội dung:

[1] Vào năm 2020, 2021 giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M và bị đơn Nguyễn Văn U có giao dịch hợp đồng vay tài sản với nhau, chị M có cho anh U vay tiền nhiều lần tổng cộng 166.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, anh U không trả lãi từ ngày 29/7/2022 đến nay, vốn chưa trả, là sự việc thực tế có xảy ra, được chứng minh bằng giấy nhận nợ anh U viết cho chị M giữ. Anh U đã nhận được hồ sơ khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Mai gửi cho anh U và thông báo hợp lệ của Tòa án, về việc chị M khởi kiện nhưng phía anh U không có ý kiến phản đối gì nên việc anh U còn nợ chị M là có thật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh U có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn, lãi tính từ ngày 29/7/2022 đến ngày 08/6/2023 tổng cộng tính tròn 190.900.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn anh U có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền vốn, lãi 190.900.000 đồng là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh U phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền buộc trả cho chị M bằng 9.545.000 đồng là phù hợp Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị M số tiền tạm ứng án phí 4.524.000 đồng theo lai thu số 0003914 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn U có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền vay còn nợ vốn 166.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 29/7/2022 đến ngày 08/6/2023 tính tròn 10 tháng lãi bằng 24.900.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 190.900.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong người phải thi hành án dân sự chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn U nộp 9.545.000 đồng (Chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí 4.524.000 đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo lai thu số 0003914 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.